TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ QUỐC
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **11**/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 09-4-2018
V/v:"Ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ QUỐC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà*: Ông **Tăng Thuận**

- Các *Hội thẩm nhân dân*:

1/ Ông **Lương Công Chủ**

2/ Bà **Phạm Thị Kiếm**

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông **Phạm Văn Chung** – Thư ký Toà án huyện Phú Quốc.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Quốc***: Ông **Lê Văn Chung** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 4 năm 2018, tại Tòa án nhân dân huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 271/2017/TLST-HNGĐ ngày 09/10/2017, về tranh chấp: "***Ly hôn, nuôi con***" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2018/QĐXX-ST ngày 23/3/2018, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn***: Chị **Phan Yến L**, sinh năm 1984

Địa chỉ: Tổ N, ấp B, xã C, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang

- ***Bị đơn***: Anh **Mai Thành Đ**, sinh năm 1980

Địa chỉ: Tổ M, ấp B, xã C, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang

- ***Con chung***:

01/ **Mai Chí T**, sinh ngày 01/01/2004

02/ **Mai Tuấn K**, sinh ngày 20/10/2007

Địa chỉ: Tổ N, ấp B, xã C, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

(Tất cả các đương sự đều có xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** *<u>Nguyên đơn chị Phan Yến L trình bày</u>*:**

- *Về hôn nhân:* Chị L và anh Đ tự nguyện tìm hiểu yêu thương và chung sống với nhau từ năm 2000, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện Phú Quốc, được Ủy ban nhân dân xã C cấp Giấy chứng nhận kết hôn năm 2004. Sau một thời gian chung sống giữa hai vợ chồng thường xảy ra mâu

thuẫn trầm trọng kéo dài, hay cải nhau, bất đồng quan điểm sống, không tin tưởng nhau, anh Đ thường xuyên gây bạo lực gia đình đánh đập chị L. Từ cuối năm 2017 đến nay hai vợ chồng đã sống ly thân và hiện không còn quay về chung sống với nhau nữa. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, chị L không còn thương yêu ông Đ nữa nên yêu cầu được ly hôn với ông Đ.

- *Về con chung:* Trong quá trình chung sống có 02 người con chung tên Mai Chí T, sinh ngày 01/01/2004; Mai Tuấn K, sinh ngày 20/10/2007. Khi ly hôn con chung có nguyện vọng theo ai thì người đó nuôi dưỡng. Nếu con có nguyện vọng theo chị L thì chị L yêu cầu được nuôi dưỡng hai cháu T, K đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con cùng chị L. Nếu con có nguyện vọng theo anh Đ thì chị L đồng ý giao con cho anh Đ nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành và không cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Đ.

- *Về tài sản chung:* Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về công nợ chung:* Cam kết không nợ ai và cũng không có ai nợ hai vợ chồng, không yêu cầu giải quyết.

**** <u>Bị đơn anh Mai Thành Đ trình bày</u>:***

- *Về hôn nhân:* Anh Đ và chị L trên cơ sở tìm hiểu chung sống với nhau từ năm 2000 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C vào năm 2004. Quá trình sinh sống anh Đ và chị L có xãy ra xô té xe của chị Ly nên làm chị Ly bị trầy xước dẫn đến việc xin ly hôn nhưng do còn thương yêu chị L nên anh Đ không đồng ý ly hôn với chị L.

- *Về con chung:* Trong quá trình chung sống có 02 người con chung tên Mai Chí T, sinh ngày 01/01/2004; Mai Tuấn K, sinh ngày 20/10/2007. Trong trường hợp chị L cương quyết yêu cầu được ly hôn và Tòa án giải quyết cho ly hôn thì anh Đ yêu cầu được nuôi dưỡng hai cháu T, K đến tuổi trưởng thành, anh Đ không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con cùng anh Đ.

- *Về tài sản chung:* Vợ chồng tự thỏa thuận không, yêu cầu tòa án giải quyết.

- *Về công nợ chung:* Cam kết không nợ ai và cũng không có ai nợ hai vợ chồng, không yêu cầu giải quyết.

- Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về vụ án:

+ Về thủ tục tố tụng: Về sự tuân theo pháp luật của Thẩm phán là chấp hành đúng pháp luật, vụ án xác định đúng quan hệ pháp luật và đúng người tham gia tố tụng. Theo hồ sơ vụ án chị L và anh Đ đều có đơn xin xét xử vắng mặt là phù hợp với khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tuy nhiên, từ ngày Tòa án thụ lý vụ án đến ngày Tòa án đưa vụ án ra xét xử, có vi phạm về thời gian giải quyết nhưng không ảnh hưởng đến nội dung vụ án. Thẩm phán cần rút kinh nghiệm, khắc phục để giải quyết vụ án được tốt hơn.

+ Về nội dung vụ án: Xét thấy chị L và anh Đ chung sống với nhau có đăng ký kết hôn, đây là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống chị L

và anh Đ thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, anh Đ đánh dập chị L làm tổn thương cơ thể cũng như tinh thần chị L, nếu có sống chung không mang lại hạnh phúc. Do đó, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận đơn yêu khởi kiện của chị L đối với anh Mai Thành Đ. Về con chung đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị L giao hai cháu T, K cho chị L nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành là phù hợp với nguyện vọng của hai cháu T, K ở với chị L. Về cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung và công nợ chung không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về thủ tục tố tụng:* Chị Phan Yến L và anh Mai Thành Đ là đương sự trong vụ án đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử xử vắng mặt chị L và anh Đ.

- *Xét về quan hệ hôn nhân*: Năm 2000, chị L và anh Đ tự nguyện yêu thương và chung sống với nhau, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện Phú Quốc được Ủy ban nhân dân xã C, huyện Phú Quốc cấp Giấy chứng nhận kết hôn năm 2004 là hôn nhân hợp pháp. Thời gian gần đây hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và không hòa thuận trong cuộc sống nên đã sống ly thân. Chị L và anh Đ đã cố hàn gắn nhưng không thành, thấy tình cảm vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên chị L yêu cầu được ly hôn với anh Đ, Toà án mời các bên hòa giải và động viên trở về đoàn tụ nhưng anh Đ vắng mặt, chị L không đồng ý trở về đoàn tụ, chị L yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị L được ly hôn với anh Đ.

Qua quá trình ghi lời khai của anh Đ thì anh Đ vẫn muốn trở về đoàn tụ, không muốn ly hôn với chị L vì anh Đ vẫn còn tình cảm với chị L. Chị L khẳng định không còn tình cảm với anh Đ và không thể tiếp tục chung sống được nữa. Qua xác minh và ghi lời khai các con của chị L và anh Đ mâu thuẫn gia đình của chị L và anh Đ là có thật, chị L và anh Đ thường xuyên xảy ra việc cãi nhau và đánh nhau. Xét thấy tình cảm của chị L đối với anh Đ mâu thuẫn trầm trọng không thể hàn gắn được, đời sống chung không kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, do đó Hội đồng xét xử nghị nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Yến L được ly hôn với anh Mai Thành Đ.

- *Về con chung:* Chị L và anh Đ có 02 người con chung tên Mai Chí T, sinh ngày 01/01/2004; Mai Tuấn K, sinh ngày 20/10/2007. Chị L và anh Đ đều yêu cầu quyền nuôi con. Tuy nhiên qua ghi nhận nguyện vọng của con chung thì hai cháu T, K đều có nguyện vọng được chung sống với chị L là phù hợp nguyện vọng của hai cháu T, K Còn chị L không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy anh Đ làm nghề ngư phủ thường xuyên đi biển ít có điều kiện trực tiếp nuôi dưỡng con chung, chị L làm nghề buôn bán hải sản tại khu vực ấp B, xã C nên có điều kiện chăm sóc các con nên Hội đồng xét xử

nghị chấp nhận yêu cầu của chị L, giao hai cháu T, K cho chị L nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị L do các bên không yêu cầu.

Anh Đ có quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

Chị L cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở anh Đ trong việc thăm nom chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích chung về mọi mặt của các con nên chị L và anh Đ khi cần thiết được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung:* Không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

- *Về công nợ chung:* Cam kết không nợ ai và cũng không có ai nợ hai vợ chồng, không yêu cầu giải quyết.

- *Về án phí:* Chị Phan Yến L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng theo quy định của pháp luật, anh Đ không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 28; Điều 35; Khoản 4 Điều 147; Khoản 1 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 9, Điều 56, Điều 81, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Khoản 5, Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1/ *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của chị Phan Yến L đối với anh Mai Thành Đ.

Cho chị Phan Yến L được ly hôn với anh Mai Thành Đ.

2/ *Về con chung*: Giao con chung là cháu Mai Chí T, sinh ngày 01/01/2004; Mai Tuấn K, sinh ngày 20/10/2007 cho chị L nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành là phù hợp với nguyện vọng của hai cháu T, K ở với mẹ. Anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị L do các bên không yêu cầu.

Anh Đ có quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

Chị L cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở anh Đ trong việc thăm nom chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích chung về mọi mặt của các con nên chị L và anh Đ khi cần thiết được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

3/ *Về tài sản chung:* Không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4/ *Về công nợ chung:* Cam kết không nợ ai và cũng không có ai nợ hai vợ chồng, không yêu cầu giải quyết.

5/ *Về án phí:* Chị Phan Yến L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền án phí tạm nộp theo Biên lai thu số BU/2014 0006239 ngày 29/9/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Quốc (chị L đã thực hiện xong).

Anh Mai Thành Đ không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn luật định 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Chị Phan Yến L và anh Mai Thành Đ vắng mặt tại phiên Toà nên chị L, anh Đ được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án niêm yết tại địa phương nơi chị L, anh Đ cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tư nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Kiên Giang,
- VKSND Phú Quốc,
- Chi cục THADS Phú Quốc,
- Đương sự,
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Tăng Thuận